

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 01 năm 2024

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tráng A Tánh

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hữu Hưởng

Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản B, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Bản B, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà Vũ Thị H chung sống cùng nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức mời cơm ra mắt gia đình hai bên từ năm 1991 và mời cán bộ tư pháp hộ tịch xã C về nhà chứng kiến nhưng sau đó không ra đăng ký kết theo quy định pháp luật. Ông bà chung sống từ đó đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng khiến cuộc sống chung của ông bà không còn hòa thuận, thường xuyên cãi vã và không hạnh phúc nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Thời gian ly thân đã lâu nên xác định không

còn tình cảm vợ chồng, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị H.

Về con chung, ông bà có 02 con chung là Nguyễn S sinh ngày 01/9/1994 và Nguyễn T2 sinh ngày 01/10/1996. Hai con chung của ông bà đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự nguyện thỏa thuận về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên có làm com ra mắt gia đình họ hàng và mời tư pháp xã đến chứng kiến, do thời điểm năm 1991 ông bà chưa am hiểu về pháp luật nên đã không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống ông bà hòa thuận hạnh phúc và có 02 người con trai là Nguyễn S sinh ngày 01/9/1994 và Nguyễn T2 sinh ngày 01/10/1996. Ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì mâu thuẫn phát sinh, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn. Ông bà ly thân đã lâu nên cũng không còn tình cảm vợ chồng nên bà H cũng đồng ý ly hôn. Con chung của ông bà đã trưởng thành nên bà không có ý kiến đề nghị gì. Về tài sản chung, ông bà đã tự thỏa thuận về tài sản chung không đề nghị Tòa án ghi nhận và không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung, ông bà không có nợ chung.

Do ông T, bà H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không phải là vợ chồng hợp pháp. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải về tình cảm và tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Nguyễn S sinh ngày 01/9/1994 và Nguyễn T2 sinh ngày 01/10/1996 đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là xin ly hôn với bà Vũ Thị H. Bà H có hộ khẩu thường trú tại Bản B, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật. Do ông bà không có đăng ký kết hôn, không phải là vợ chồng hợp pháp nên Tòa án mở phiên tòa xét xử để xem xét yêu cầu của ông T là đúng quy định tại điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn và bị đơn nhưng nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H tự tìm hiểu và về sống chung từ năm 1991 đến năm 2020 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống cùng nhau, ông T bà H đều cho rằng ông bà có nhiều bất đồng không thể giải quyết được nên đã chia tay, không chung sống từ năm 2020 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T bà H mặc dù có sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì ông Thăng bà H không phải là vợ chồng hợp pháp, quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H có 02 con chung là Nguyễn S sinh ngày 01/9/1994 và Nguyễn T2 sinh ngày 01/10/1996. Con chung của ông bà đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H xác định đã tự thỏa thuận xong nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H đều xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H.

2. Về con chung:

Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H có 02 con chung là Nguyễn S sinh ngày 01/9/1994 và Nguyễn T2 sinh ngày 01/10/1996. Con chung của ông bà đã trưởng thành và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng, án phí, lệ phí Tòa án số: 0000261 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tềnh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 12 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tánh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Ông Hà Văn Sơ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970. Nơi ĐKKHKT: Bản B, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1974. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản B, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Việc giải quyết vụ án

2.1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H..

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H có 02 con chung là Nguyễn S sinh ngày 01/9/1994 và Nguyễn T2 sinh ngày 01/10/1996. Con chung của ông bà đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.3. Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về án phí.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn

đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng, án phí, lệ phí Tòa án số: 0000261 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 12 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

c

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

